

PHỤ LỤC

Báo cáo tóm tắt tổng kết thi hành Quy chế quản lý tài chính tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg (Kèm theo Tờ trình số.../TTr-BTC ngày /.../2024 của Bộ Tài chính)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về nguồn vốn và sử dụng vốn.

a) Về nguồn vốn:

- Theo báo cáo của NHCSXH, từ nguồn vốn nhận bàn giao từ Ngân hàng Phục vụ người nghèo là 7.105 tỷ đồng vào năm 2002, sau hơn 21 năm hoạt động, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách của NHCSXH đến ngày 31/12/2023 đạt 346.278 tỷ đồng, tăng gấp 48 lần so với năm 2002, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 21,1%/năm; trong đó: (i) Vốn do ngân sách nhà nước cấp là 44.390 tỷ đồng, chiếm 12,8% (vốn điều lệ là 23.960 tỷ đồng); (ii) Vốn vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, vay và nhận ủy thác nước ngoài là 9.281 tỷ đồng, chiếm 2,7%; (iii) Nhận tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước là 117.378 tỷ đồng, chiếm 33,9%; (iv) Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh là 77.632 tỷ đồng, chiếm 22,4%; (v) Vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trên thị trường là 44.928 tỷ đồng, chiếm 13%; (vi) Vốn nhận ủy thác của địa phương là 39.174 tỷ đồng, chiếm 11,3%; và (v) nguồn vốn khác và các quỹ là 13.494 tỷ đồng, chiếm 3,9%.

b) Về sử dụng vốn

- Trong hơn 21 năm qua, nguồn vốn của NHCSXH đã được đầu tư đến 100% xã, phường, thị trấn trên cả nước, tạo điều kiện giúp hơn 6,7 triệu lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn với doanh số cho vay đạt 59.359 tỷ đồng. Từ 8.631 tỷ đồng dư nợ nhận bàn giao, đến 31/12/2023, tổng dư nợ đạt 331.924 tỷ đồng, tăng 323.293 tỷ đồng (gấp 38 lần) với tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân đạt khoảng 21%/năm. Hiện nay, hơn 6,7 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách đang còn dư nợ.

- Với việc đảm bảo nguồn vốn hoạt động cũng đã góp phần đảm bảo nguồn lực cho NHCSXH phát triển trên cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, đặc biệt là hệ thống công nghệ thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của NHCSXH.

2. Về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý.

- Những năm đầu thành lập, cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn của NHCSXH chưa ổn định; vốn điều lệ chưa được cấp đủ, lãi suất huy động vốn cao trong khi cơ cấu dư nợ lãi suất thấp chiếm tỷ trọng lớn dẫn đến cấp bù chênh

lệch lãi suất và phí quản lý hàng năm ở mức cao.

- Qua quá trình triển khai thực hiện và hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, với sự quan tâm bố trí nhiều nguồn vốn ưu đãi giá rẻ cũng như điều chỉnh cơ cấu tín dụng và tăng cường công tác quản lý thu hồi nợ hiệu quả, chênh lệch lãi suất và phí quản lý có xu hướng ngày càng giảm (ví dụ cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý năm 2018 là 2.039 tỷ đồng, năm 2019 là 1.357 tỷ đồng, năm 2020 là 1.431 tỷ đồng, năm 2021 là 492 tỷ đồng, năm 2022 là 0 đồng và năm 2023 tạm cấp là 133,6 tỷ đồng).

- Việc giao khoán mức phí quản lý theo giai đoạn (3 năm) đã tạo sự chủ động về mặt tài chính, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NHCSXH, khuyến khích tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập cho người lao động và góp phần nâng cao chất lượng tín dụng của NHCSXH.

3. Về tình hình thu chi tài chính, trích lập dự phòng và các Quỹ.

- Ngoài năm 2003 và năm 2004 khi mới đi vào hoạt động, chênh lệch thu chi của NHCSXH âm thì từ năm 2005 đến nay, NHCSXH đã duy trì chênh lệch thu chi dương và có xu hướng tăng qua từng năm kể từ khi sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính cho NHCSXH (bình quân từ khi thành lập đến nay, chênh lệch thu chi hằng năm của NHCSXH là khoảng 482 tỷ đồng/năm), trong đó năm 2016 là 245 tỷ đồng, năm 2017 là 277 tỷ đồng, năm 2018 là 333 tỷ đồng, năm 2019 là 325 tỷ đồng, năm 2020 là 847 tỷ đồng, năm 2021 là 1.239 tỷ đồng, năm 2022 là 1.674 tỷ đồng, năm 2023 là 1.755 tỷ đồng.

- Với nguồn tài chính ổn định và tăng trưởng nêu trên đã góp phần tạo điều kiện cho NHCSXH trích lập đầy đủ dự phòng và các Quỹ của NHCSXH theo quy định (đến ngày 31/12/2023, tổng số dư các Quỹ và dự phòng rủi ro là 7.102 tỷ đồng, trong đó: (i) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 709 tỷ đồng; (ii) Quỹ dự phòng tài chính là 728 tỷ đồng; (iii) Quỹ đầu tư phát triển là 1.957 tỷ đồng; (iv) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng là 2.080 tỷ đồng và (v) số dư dự phòng chênh lệch tỷ giá là 1.628 tỷ đồng).

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về nguyên tắc quản lý tài chính

Một số nguyên tắc quản lý tài chính theo quy định tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg chưa phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời, một số nguyên tắc quản lý tài chính mới được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 nhưng chưa được cập nhật vào quy chế quản lý tài chính của NHCSXH (như NHCSXH được miễn nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách

nhà nước khác theo quy định của pháp luật, tiến tới tự bù đắp chi phí và rủi ro hoạt động...) cần được rà soát, sửa đổi cho phù hợp.

2. Về quản lý, sử dụng vốn, quỹ và tài sản

- Việc đầu tư xây dựng cơ bản hiện nay được quy định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 25% vốn điều lệ và tuân thủ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và theo kế hoạch được Hội đồng quản trị thông qua. Tỷ lệ đầu tư, mua sắm tài sản cố định nêu trên cần được tiếp tục rà soát cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay do quy mô vốn điều lệ được tăng trưởng đều hằng năm trong khi việc đầu tư cơ sở vật chất thời gian qua của NHCSXH đã được thực hiện tương đối đầy đủ.

- Ngoài ra, Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg chưa quy định cụ thể về nguyên tắc, trình tự cũng như thẩm quyền đối với việc xử lý tổn thất về tài sản của NHCSXH.

3. Về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý.

Hiện nay, số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất được xác định theo phương pháp gián tiếp (căn cứ chênh lệch lãi suất huy động (hòa đồng các nguồn vốn có tính đến tỷ lệ tồn ngân tối đa) với lãi suất cho vay và dư nợ cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác) dẫn đến phải làm tròn số nhiều lần.

4. Về thu nhập, chi phí và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

a) Về thu nhập và chi phí

Hiện nay, các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam đều thực hiện hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nguyên tắc kế toán dồn tích, theo đó cần rà soát lại nguyên tắc hạch toán thu nhập, chi phí của NHCSXH tại dự thảo Nghị định cho phù hợp với thực tiễn; đồng thời các khoản chi liên quan đến hoạt động ủy thác của NHCSXH cũng cần tiếp tục đánh giá, nhằm đảm bảo đủ nguồn kinh phí, không trùng lặp nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước cũng như để tăng cường trách nhiệm của NHCSXH; các Hội, đoàn thể ủy thác; tiết kiệm chi phí quản lý.

b) Về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Quyết định 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg đang quy định NHCSXH trích dự phòng chung theo mức bằng 0,75% số dư nợ không bao gồm nợ khoan và nợ quá hạn; dự phòng cụ thể giao NHCSXH quy định trên cơ sở kết quả phân loại nợ và khả năng tài chính của NHCSXH đảm bảo tổng số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng tổng số dư nợ quá hạn và nợ khoan. Tuy nhiên, trên thực tế các ngân hàng hay một tổ chức tài chính vi

mô đều thực hiện trích lập dự phòng rủi ro trên nguyên tắc thận trọng, không giới hạn trong phạm vi nợ khoanh, nợ quá hạn mà còn phải trích lập dự phòng cho các khoản nợ rủi ro tiềm ẩn. Bên cạnh đó, hiện nay, Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác cũng đang được rà soát để sửa đổi theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó các nội dung liên quan đến phân loại nợ của NHCSXH. Do đó, quy định về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của NHCSXH cần được rà soát lại cho phù hợp và đồng bộ.

5. Về phân phối kết quả tài chính, quản lý và sử dụng các quỹ

- Theo quy định hiện nay, số còn lại sau khi trích lập các quỹ được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ; trong khi đó Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ chỉ để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động và đổi mới công nghệ trang thiết bị và không được sử dụng để cho vay. Hiện nay, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và tài sản cố định của NHCSXH tương đối lớn và trong bối cảnh chênh lệch thu chi ngày càng lớn như hiện nay, việc tiếp tục quy định số tiền chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các Quỹ được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ cần phải được rà soát để đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động của NHCSXH, tránh tồn đọng vốn.

6. Về chế độ kế toán, kế hoạch tài chính, chế độ báo cáo và kiểm toán:

- Quy chế hiện nay quy định Báo cáo tài chính của NHCSXH được kiểm toán hàng năm bởi Kiểm toán Nhà nước. Tuy nhiên, hàng năm Kiểm toán Nhà nước thực hiện kế hoạch kiểm toán do Quốc hội thông qua, do đó quy định tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg từ năm 2002 đến nay không còn phù hợp

- Theo quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2018 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, để được cấp bảo lãnh phát hành trái phiếu, hồ sơ Đề án phát hành trái phiếu của NHCSXH phải bao gồm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc kiểm toán độc lập (trong trường hợp Kiểm toán Nhà nước không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm đó). Tuy nhiên, quy định hiện nay về quy chế quản lý tài chính của NHCSXH chưa quy định về việc kiểm toán độc lập nên chưa đầy đủ, có thể gặp vướng mắc trong thực tế.

7. Về trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước và của NHCSXH:

Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước và NHCSXH trong việc quản lý tài chính đối với NHCSXH. Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHCSXH đang được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

chủ trì trình Chính phủ xem xét, ban hành, trong đó sẽ quy định các nội dung liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như của NHCSXH trong hoạt động của NHCSXH (bao gồm cả hoạt động về tài chính), do đó, nội dung này cần được rà soát lại để đảm bảo tính đồng bộ với các quy định nêu trên